

002.Q/BCB-VĐTC

Ban hành kèm theo Nghị
định số 139/2026/NĐ-CP
ngày 07/4/2026
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 24 tháng cuối quý
báo cáo

NĂNG LỰC MỚI TĂNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ BÁO CÁO:
ĐƯA AN/CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH Bô ...

TRONG NĂM

Quý ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê, Bộ
Tài chính

[illegible]

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 002.Q/BCB-VĐTC: Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành trong năm

1. Khái niệm, phương pháp tính

Công trình hoàn thành là công trình đã hoàn thành đồng bộ, hoàn chỉnh toàn bộ các giai đoạn thực hiện đầu tư theo thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công đã được duyệt, đã nghiệm thu đạt các thông số kỹ thuật và đã bàn giao cho đơn vị sử dụng (bao gồm các hạng mục công trình chính, phụ, kể cả vườn hoa, cây cảnh nếu có).

Năng lực mới tăng của dự án/công trình là khả năng sản xuất hoặc phục vụ sản xuất tính theo thiết kế khi nghiệm thu bàn giao dự án/công trình.

2. Cách ghi biểu

Quý I năm báo cáo ghi toàn bộ danh sách dự án/công trình hoàn thành/dự kiến hoàn thành trong năm báo cáo, bao gồm dự án/công trình được khởi công từ những năm trước hoặc trong năm báo cáo; từ quý II trở đi thực hiện rà soát, bổ sung và cập nhật tiến độ thực hiện của dự án/công trình theo thực tế.

- Cột A: Ghi số thứ tự từ 1 đến hết và giữ nguyên STT của dự án/công trình trong các quý báo cáo tiếp theo cho đến khi dự án/công trình hoàn thành; trường hợp bổ sung dự án/công trình thì ghi STT nối tiếp STT của dự án/công trình cuối cùng trong danh mục.
- Cột B: Ghi tên dự án/công trình xây dựng hoàn thành/dự kiến hoàn thành trong năm.
- Cột C: Ghi tên chủ đầu tư/ban quản lý dự án theo quyết định đầu tư.
- Cột D: Ghi địa điểm xây dựng (Tên tỉnh, thành phố) nơi thực hiện thi công dự án/công trình.
- Cột 1, 2, 3, 4: Ghi thời gian khởi công/hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành theo thực tế của dự án/công trình.
- Cột 5: Ghi tổng mức đầu tư theo quyết định đầu tư của dự án/công trình tại cột A.
- Cột 6, 7: Ghi cụ thể đơn vị tính và số lượng theo đơn vị tính của năng lực thiết kế khi bàn giao đưa vào sử dụng. Trường hợp mở rộng, đổi mới thiết bị hoặc khôi phục từng phần của dự án/công trình xây dựng thì chỉ tính phần năng lực mới tăng thêm do đầu tư mới tạo ra (không được tính năng lực của dự án/công trình cũ).

Ví dụ:

+ Tên dự án/công trình: Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Năng lực/công suất thiết kế (cột 6): 515, Đơn vị tính (cột 7): Km.

+ Tên dự án/công trình: Nhà máy sản xuất mô tơ Công ty TNHH YB Việt Nam, Năng lực/công suất thiết kế (cột 6): 60, Đơn vị tính (cột 7): Triệu sản phẩm/năm.

+ Tên dự án/công trình: Công trình chung cư 1A Lê Nin, Năng lực/công suất thiết kế (cột 6): 5, Đơn vị tính (cột 7): Nghìn m² sàn.

- Cột 8, 9, 10, 11: ghi giá trị khối lượng thực hiện theo thực tế của chủ đầu tư/ban quản lý dự án (không phải giá trị thanh toán/giải ngân)

- Cột 12: Các dự án/công trình xây dựng phục vụ nhiều mục tiêu (giao thông, thủy lợi...) nếu có nhiều năng lực mới tăng: ghi cụ thể các năng lực mới tăng trong mục ghi chú.

- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Dữ liệu hành chính.